

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 10 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						311 677	68 342	243 335			
I		CẢNG CHÍNH						42 796	5 719	37 077			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						21 150	5 719	15 431			
1		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XỎ 1C	900	291	609	DỖ	TD	
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 000	4 206	14 794	DỖ		CLM:10.000 - TTCO:9.000
3		CP TTC	09/09	1241/09		HN 2089	CỤC 4A.3	1 250	1 222	28	09/09	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						21 646		21 646			
1		CP HÀNG HẢI VN	09/09	1145/08		BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CÁM 1	900		900		TD	
3		KDT CẦU ĐUỐNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
4		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CÁM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
5		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
6		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CÁM 1	850		850		TD	
7		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
9		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
11		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CÁM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
12		DT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
13		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
14		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
15		DT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
18		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
19		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CÁM 1	900		900		TD	
20		SÔNG HỒNG	08/09	1236/09		BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
		Tàu chuyển tải						118 850	27 693	91 157			
		Tàu đang làm hàng						81 650	27 693	53 957			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/09	1240/09		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 750	24 093	4 657	DỖ		KDT CP: 13.000 - CLM: 5.000 - KVCP:10.750
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/09	1239/09		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 400		27 400	DỖ		KDTC:11.000 - CLM:13.000 - KVCP:3.400
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500	3 600	21 900	DỖ		KDTC:14.000 - TTHG:21.500
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						37 200		37 200			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 10 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CẨM 6A.14	7 300		7 300			
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/09	1214/09		STAR CITY	CẨM 5A.10	21 300		21 300			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						46 863	11 919	34 944			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>13 090</i>	<i>11 919</i>	<i>1 171</i>			
1		NINH BÌNH	08/9	293	22/9	HY - 0708	CẨM 7B	2 970	2 944	26	09/9	PT CB	
2		MIỀN BẮC	08/9	314	22/9	BN - 2308	CẨM 8A	1 600	1 582	18	09/9	TD	
3		MIỀN TRUNG	08/9	310B	22/9	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 970	11	09/9	TD	
4		HẢI PHÒNG	09/9	336	23/9	HP - 4854	CẨM 7C	1 350	1 340	10	09/9	TD	
5		HẢI PHÒNG	09/9	365	16/9	BN - 1799	CẨM 8A	1 000	996	4	09/9	TD	
6		NINH BÌNH	09/9	366	16/9	BN - 2758	CẨM 7C	1 940	1 912	28	09/9	TD	
7		CP VT&KD THAN	08/9	316	22/9	BN - 1296	CẨM 8A	1 250	681	569	DỔ	TD	
8		NINH BÌNH	08/9	296B	22/9	BN - 2228	CẨM 8A	1 000	495	505	DỔ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>33 773</i>		<i>33 773</i>			
1		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	31/8	1 210	31/8	NB - 8652	CẨM 8A	4 578		4 578		TD	
2		COALIMEX	01/9	1058/8	15/9	BN - 1758	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
3		SÔNG HỒNG	04/9	50/8	16/9	BN - 2566	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
4		CP VT THUỶ	04/9	92	18/9	BN - 1626	CẨM 8A	900		900		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7B	945		945		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
7		XD CN MỎ	07/9	251/7	21/9	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
8		CP ĐTTM&DV	05/9	144	20/9	BN - 1883	CỤC 1B	1 030		1 030		TD	
9		CP ĐTTM&DV	05/9	145	20/9	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		COALIMEX	05/9	164	20/9	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
11		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	07/9	171	21/9	BN - 1468	CẨM 7C	1 149		1 149		TD	
12		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	06/9	208	20/9	BN - 2122	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	
13		NINH BÌNH	07/9	252	21/9	HD 6899	CẨM 7B	2 754		2 754		PT CB	
14		CP HÀNG HẢI VN	07/9	254	21/9	BN - 2633	CẨM 8A	1 837		1 837		TD	
15		CP HÀNG HẢI VN	07/9		21/9	BN - 1799	CỤC 1B	1 090		1 090		TD	
16		MIỀN BẮC	07/9	1164/8	21/9	BN - 1988	CẨM 8A	1 400		1 400		TD	
17		CP ĐTTM&DV	08/9	292	22/9	BN - 1959	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 10 THÁNG 09 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
18	NGHỆ TỈNH	09/9	337	23/9	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
19	MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CẨM 7B	1 000		1 000		TD	
20	MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CỤC 1A	930		930		TD	
21	MIỀN BẮC	09/9	1164B/8	16/9	BN - 1988	CẨM 8A	1 400		1 400		TD	
22	CP VT THUỶ	09/9	369	16/9	BN - 2659	CẨM 7B	1 900		1 900		TD	
23	XD CN MỎ	09/9	373	16/9	BN - 2203	CẨM 8B	1 450		1 450		TD	
III	KHO BẢO NGUYỄN						-	-	-			
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu đã làm lệnh											
IV	KHO CẢNG KM6						33 168	11 371	21 797			
	Tàu đã làm hàng						12 781	11 371	1 410			
1	KDT MIỀN BẮC	08/9	283	22/9	HP 4850	Cẩm 6b.1	1 100	1 094	6	09/9	CBPT	
2	CBT QUẢNG NINH	08/9	298	22/9	QN8068	Cẩm 6a.1	970	964	6	09/9	CBPT	
3	KDT MIỀN BẮC	08/9	282	22/9	NB 8104	Cẩm 5a.1	2 360	2 355	5	09/9	CBPT	
4	CBT QUẢNG NINH	08/9	297	22/9	QN 8848	Cẩm 6a.1	1 976	1 974	2	09/9	CBPT	
5	KDT MIỀN BẮC	08/9	300	22/9	HD 5935	Cẩm 6b.1	2 892	2 882	10	09/9	CBPT	
6	KDT MIỀN BẮC	08/9	318	22/9	BN 2168	Cẩm 6b.1	1 510	1 504	6	09/9	CBPT	
7	XNK THAN VINACOMIN	09/9	345	23/9	QN 8265	Cẩm 5a.1	1 973	598	1 375	DỖ	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh						20 387		20 387			
1	KDT MIỀN BẮC	08/9	315	22/9	HP 5982	Cẩm 6a.1	1 690		1 690		CBPT	
2	KDT MIỀN BẮC	09/9	339	23/9	BN 2332	Cẩm 5b.1	1 937		1 937		CBPT	
3	CBT QUẢNG NINH	09/9	340	23/9	HD 2095	Cẩm 6a.1	1 980		1 980		CBPT	
4	KDT HẢI PHÒNG	09/9	341	23/9	HD 3833	Cẩm 5a.1	2 300		2 300		CBPT	
5	KDT HẢI PHÒNG	09/9	342	23/9	BN 2638	Cẩm 6a.1	1 923		1 923		CBPT	
6	KDT MIỀN BẮC	09/9	343	23/9	BN 2662	Cẩm 5b.1	1 950		1 950		CBPT	
7	XNK THAN VINACOMIN	09/9	345	23/9	QN 8265	Cẩm 5a.1	1 973		1 973		CBPT	
8	THAN MIỀN NAM	09/9	359	23/9	STAR 01	Cục 4a.2	1 400		1 400			
9						Cẩm 5a.1	1 750		1 750			
10	XNK THAN VINACOMIN	09/9	360	23/9	QN 7956	Cẩm 5a.1	1 984		1 984		CBPT	
11	KDT HẢI PHÒNG	09/9	361	23/9	HP 5925	Cẩm 5b.1	1 500		1 500		CBPT	
V	TÀU XUẤT KHẨU						40 000	-	40 000			
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu đã làm lệnh						40 000		40 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 10 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]

